

CÔNG TY CỔ PHẦN MOZAX GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MOZAX GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOZAX GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MOZAX GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110551930

3. Ngày thành lập: 24/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 187 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888809688

Fax:

Email: mozax.vietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ hoạt động đấu giá)	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ hoạt động đấu giá)	4649
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4659
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng) (Trừ hoạt động đấu giá)	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Trừ hoạt động đấu giá)	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4669
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
14.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
15.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

16.	Lập trình máy vi tính	6201
17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20.	Cổng thông tin (Trừ thông tin Nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
21.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
22.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
24.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
25.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410(Chính)
27.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá)	4690
28.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
29.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
30.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
31.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
32.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
33.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
36.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
37.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
38.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
39.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
40.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
41.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
42.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
43.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
45.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	4933
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
49.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hoá hàng không)	5224
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	5225
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động kinh doanh liên quan đến bến bãi ô tô, hoá lỏng khí và Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
54.	Xuất bản phần mềm	5820
55.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
56.	Đại lý du lịch	7911
57.	Điều hành tua du lịch	7912
58.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
59.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
60.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
61.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
62.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
65.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
69.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
70.	Xây dựng công trình điện	4221
71.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
72.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
73.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
74.	Xây dựng công trình thủy	4291
75.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
76.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
77.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

78.	Phá dỡ	4311
79.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự trong ngành nghề này)	4312
80.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
81.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
82.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
83.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
84.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
85.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI ĐỨC MINH	31 ngách 254/1 Đường Bưởi, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	40,000	027088000430	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	40,000		

2	TÓNG SON THỊNH	Số 2A, ngõ 29/70/20 phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	40,000	001088021633	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	40,000		
3	NGUYỄN THANH NGÂN	Số 187 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	20,000	033189014269	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033189014269

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 187 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội